

Ảnh hưởng của giá trị Công giáo đối với người Công giáo Việt Nam

Nguyễn Hồng Dương¹

¹ Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: duongvtg@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 7 năm 2017.

Tóm tắt: Các tôn giáo ở Việt Nam dù là tôn giáo ngoại nhập hay tôn giáo nội sinh, trong quá trình tồn tại và phát triển đều tạo ra các giá trị tôn giáo. Giá trị Công giáo có ảnh hưởng lớn đến người Công giáo. Nhờ ảnh hưởng của giá trị Công giáo, nên người Công giáo Việt Nam coi trọng lao động, coi trọng quan hệ hôn nhân và gia đình, đoàn kết và giúp đỡ nhau không chỉ đối với người Công giáo mà còn đối với người không theo Công giáo.

Từ khóa: Công giáo, giá trị, Việt Nam.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Religions in Vietnam, be they exogenous or endogenous, have all created religious values in their processes of existence and development. Catholic values have great influence on Catholic followers, which has resulted in their attachment of great importance to labour and the marriage and family relations, living in solidarity and mutual assistance not only among the followers themselves, but also between them and non-Catholic people in Vietnam.

Keywords: Catholicism, values, Vietnam.

Subject classification: Religious studies

1. Mở đầu

Giá trị Công giáo có ảnh hưởng lớn tới đời sống người Công giáo Việt Nam. Ảnh hưởng đó như thế nào? Đây là một vấn đề rộng lớn. Bài viết này góp phần phân tích những ảnh hưởng của giá trị Công giáo tới người Công giáo Việt Nam.

2. Ảnh hưởng của giá trị Công giáo đối với quan niệm về lao động của người Công giáo Việt Nam

Con người có quyền và phải lao động. Đó là một giá trị của Công giáo. Theo Tân Ước, Chúa Giêsu là con người lao động. Sau khi làm người và sống giữa chúng ta,

Chúa dành năm tháng sống trên đời để lao động. Lao động diễn tả một chiều hướng căn bản của cuộc sống con người, như một sự tham gia không những vào hành vi sáng tạo mà còn là hành vi cứu chuộc nữa.

Người Công giáo Việt Nam từ rất lâu, lấy ngày mồng ba tết Nguyên đán làm ngày “Thánh hóa công ăn việc làm”. Điều này thể hiện sự trân trọng, đòi buộc các tín hữu coi lao động vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ mang tính trần thế, nhưng đồng thời còn là tính thiêng liêng để cải hóa chính bản thân mình.

Người Công giáo Việt Nam qua một số Thư chung nhận ra giá trị lao động. Một trong những Thư chung phải kể đến là Thư chung 1976². Trong Thư đó, nội dung thứ 8 (*Giá trị lao động*) viết: “Chúng tôi xin anh chị em hãy nhận thức đặc biệt giá trị của lao động. Thật vậy, nhờ lao động con người theo lệ thường nuôi sống mình và gia đình, liên kết với anh em và phục vụ họ, có thể thực thi bác ái đích thực và góp công vào việc kiện toàn công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa. Hơn nữa, chúng tôi cho rằng nhờ việc làm của mình, con người cộng tác vào chính công cuộc Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nâng cao giá trị của lao động khi Người làm việc tại Nazareth. Trong hoàn cảnh hiện tại, lao động sản xuất còn là chính sách để xây dựng một nền kinh tế tự túc, đảm bảo nền độc lập, tự do của dân tộc” [4, tr.327].

Thấm nhuần Kinh Thánh và các văn bản của Giáo hội Rôma cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam (mà Thư chung 1976 đề cập ở phần trên là một ví dụ), người Công giáo Việt Nam coi lao động là bổn phận trần thế của mình. Với họ (những người Kitô hữu), “xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa”.

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, di hại của cuộc chiến tranh để lại là hết sức nặng nề. Đó là những năm tháng người Việt Nam, trong đó có tín đồ Công giáo, sống ở thời kỳ “bao cấp” với biết bao khó khăn. Trong những ngày ấy, người ta thấy Tổng Giám mục Giáo tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh Phaolô Nguyễn Văn Bình có mặt ở một số công trường, ở vùng quê tham gia sản xuất. Các dòng tu kể cả dòng tu Nam và dòng tu Nữ đều “xuất quân”, tham gia “mặt trận sản xuất” với các hình thức khác nhau (như cày cấy, làm nương rẫy, chăn nuôi, làm nghề thủ công) để tự nuôi sống mình.

Tín đồ Công giáo cả nước đều hăng say lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Ngoài làm tốt công việc của một xã viên hợp tác xã nơi đồng áng, họ còn làm thêm kinh tế phụ, tăng gia sản xuất, chăn nuôi, làm nghề phụ, làm kinh tế “vườn, ao, chuồng” để cải thiện đời sống cá nhân và gia đình, tạo thêm của cải vật chất cho xã hội.

Trong công cuộc đổi mới và hội nhập với thế giới hiện nay, ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương người Công giáo sản xuất giỏi với những trang trại thu hút hàng chục lao động. Trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ ngày càng xuất hiện nhiều doanh nhân là người Công giáo. Bằng tài năng, trí tuệ, tinh thần dám nghĩ, dám làm, họ vươn lên trở thành giám đốc công ty, chủ tịch hội đồng quản trị. Công ty, doanh nghiệp của họ thu hút từ hàng chục đến hàng trăm lao động, giúp cho người lao động có công ăn việc làm, ổn định đời sống. Đó còn là sự vươn lên với tinh thần “xóa đói, giảm nghèo” của hàng vạn hộ nông dân ở khắp các vùng miền của Tổ quốc.

Để thoát nghèo, để làm giàu, đặc biệt để trở thành những chủ công ty, doanh nghiệp,

người Công giáo Việt Nam luôn nâng cao học vấn của mình. Nếu như trước Công đồng Vatican II, người Công giáo, nhất là người Công giáo ở vùng nông thôn, có tâm lý không muốn học lên cao vì sợ lỗi đạo, thì nay đã và đang xuất hiện một đội ngũ đông đảo những trí thức trẻ người Công giáo. Trong đó nhiều người là cử nhân, kỹ sư, bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành khác nhau.

Như vậy, ảnh hưởng của giá trị Công giáo tới tín đồ là toàn diện. Đường hướng mà Hội đồng Giám mục Việt Nam đặt ra từ Thư chung 1980 là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Sống Phúc âm đòi buộc tín đồ phải làm tròn bổn phận của mình với Thiên Chúa, với các Thánh thông công. Công giáo cho rằng, con người là chi thể của Thiên Chúa, bị ràng buộc bởi Thiên Chúa, do Thiên Chúa tạo dựng, được Thiên Chúa yêu thương và cứu độ. Người Công giáo coi “Thiên Chúa là tình yêu”, yêu mến Thiên Chúa hết lòng. Sống Phúc âm không chỉ là chu toàn việc sống đạo với việc chăm lễ lạy đi hết nhà thờ nọ đến nhà thờ kia để được ơn ích, mà còn là chứng đạo giữa đời, đem những điều tốt lành - (Phúc âm) vào cuộc sống. Với cuộc sống trần thế, tín đồ phải như men trong bột. Tín đồ Công giáo Việt Nam phải là người yêu mến quê hương, đất nước, gắn bó với dân tộc. Thư chung 1980, Đoạn 10 viết: “Chúng tôi muốn khẳng định rằng, yêu tổ quốc, yêu đồng bào, đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có, mà còn là một đòi hỏi của Phúc âm”, “Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước, và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng

một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc”, “Trong công cuộc phục vụ quê hương, Phúc âm cho chúng ta ánh sáng và sức mạnh để khắc phục các khó khăn và các xu hướng cá nhân ích kỷ, nêu cao tinh thần phục vụ của bác ái phổ quát, hướng tới cảnh “Trời Mới Đất Mới”, trong đó tất cả đều hòa hợp hạnh phúc. Và khi phải phấn đấu, xóa bỏ những điều tiêu cực, chúng ta có ơn của Chúa Kitô phục sinh để mặc lấy con người mới công chính và thánh thiện”.

Sống “tốt đời, đẹp đạo” nghĩa là làm tốt nghĩa vụ của tín đồ, đồng thời còn làm tốt nghĩa vụ công dân. Về điểm này, Giáo hoàng Benedict XVI nói với đoàn giám mục Việt Nam đi Adlimina tháng 6/2009 như sau: “Điều rất đáng mong ước là khi dạy cho con cái biết sống theo lương tâm ngay thẳng, trong sự liêm chính và sự thật, thì mỗi gia đình Công giáo trở nên trung tâm các giá trị và đức tính nhân bản, một trường dạy đức tin và đức mến đối với Thiên Chúa. Về phần họ, bằng đời sống xây nền trên đức ái, sự liêm chính, việc quý trọng công ích, anh chị em giáo dân phải chứng tỏ rằng là người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt”.

Kể từ sau khi đón nhận *Huân từ* nói trên của Giáo hoàng Benedict XVI, Giáo hội Công giáo Việt Nam đẩy lên phong trào “Là người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt”. Người Công giáo Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn và hành động có hiệu quả hơn trách nhiệm tín đồ và trách nhiệm công dân.

3. Ảnh hưởng của giá trị Công giáo đối với quan niệm về hôn nhân và gia đình của người Công giáo Việt Nam

Thứ nhất, người Công giáo Việt Nam sống thủy chung một vợ một chồng. Hôn nhân

được người Công giáo Việt Nam xem là việc hệ trọng của cuộc đời, liên quan đến chính cuộc đời của họ từ khi kết hôn cho đến khi qua đời. Ngay từ nhỏ, qua các lớp giáo lý, các em đã được linh mục, gia đình, hoặc các giáo lý viên cung cấp những hiểu biết về giới tính, về ý nghĩa của hôn nhân. Khi trưởng thành, người Công giáo đều phải học giáo lý hôn nhân, hiểu cặn kẽ tính thánh thiêng (bí tích) hôn nhân, vai trò trách nhiệm của người vợ và người chồng. Sau kỳ học họ phải thông qua sát hạch. Chỉ khi nào đủ tiêu chuẩn, được cấp giấy công nhận thì việc học mới được hoàn tất. Đây là một trong những điều kiện bắt buộc của bất kỳ đôi nam nữ nào muốn kết hôn.

Thứ hai, người Công giáo Việt Nam luôn xem hôn nhân là một việc đúng đắn. Việc tìm hiểu người bạn đời với họ phải thật kỹ càng. Khi đã kết hôn rồi họ không có quyền ly dị (trừ một vài trường hợp đặc biệt). Người Công giáo chỉ được phép hôn nhân một vợ, một chồng theo quan niệm: “Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly”. Đó là nguyên tắc bất khả phân ly, hay còn gọi là tính đơn nhất (một vợ, một chồng). “Khi đã kết hôn, người nam không thể là chồng của người nữ nào khác ngoài vợ mình, và người nữ cũng không thể là vợ của người nam nào ngoài chồng của mình” [11, tr.20]. Với người Công giáo, không có gia đình đa thê.

Sống thủy chung, gia đình một vợ, một chồng phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình (2001) của Việt Nam. Điều 4 của Luật này quy định: “Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với những người đang có chồng, có vợ” [10].

Thứ ba, người Công giáo Việt Nam coi hôn nhân là tự do, tự nguyện và mang giá

trị thiêng. Một đám cưới của người Công giáo được xem là thành sự khi người nam và người nữ tự do luyện ái, tự nguyện đến với nhau. Trong Thánh lễ hôn phối ở nhà thờ Công giáo, linh mục, vị chủ hôn phối cũng là chủ tế thánh lễ, bao giờ cũng hỏi người nam và người nữ xem họ có thật sự tự do luyện ái, có thật sự tự nguyện đi đến hôn nhân hay không. Chỉ khi nào họ trả lời rằng có, thì linh mục mới thực hiện các bước tiếp theo.

Trước khi được thánh hiến với một bí tích riêng và chịu phép Thánh thể, người nam (chú rể) trao nhẫn cho người nữ (cô dâu) và nói lời giao ước với người nữ, sau đó người nữ cũng nói lời giao ước với người nam. Họ cùng nhau ký vào sổ hôn phối, chính thức là đôi vợ chồng. Thông qua nghi lễ hôn nhân tổ chức trong nhà thờ dưới sự chủ trì của vị linh mục, hôn nhân Công giáo trở nên thiêng liêng. Giá trị thiêng đó có nguồn ủy từ Kinh Thánh, bởi chính Thiên Chúa đã tác hợp cho người nam và người nữ để họ trở thành vợ chồng. Giá trị thiêng được chuẩn nhận qua Thánh lễ tổ chức long trọng ở nhà thờ Công giáo dưới sự chủ trì của chủ tế, sự chứng giám của Thiên Chúa. Và khi đã nên vợ, nên chồng, họ “thánh hóa” lẫn nhau và cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa.

Thứ tư, người Công giáo Việt Nam không chấp nhận hôn nhân đồng tính. Theo quan niệm của Công giáo, hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ, là sự truyền sinh. Công giáo không chấp nhận hôn nhân đồng tính; coi đó là suy đồi, bệnh hoạn tâm lý, đặc biệt là chống lại sự trật tự của Thiên Chúa. Sách Lê Vi (Cựu Ước), phần nói về *Tội liên quan đến gia đình*, đã lên án gay gắt hôn nhân đồng tính: “Khi người đàn ông nào nằm với một người

đàn ông như nằm với đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm”.

Mặc dù phản ứng rất gay gắt và lên án mạnh mẽ hôn nhân đồng tính, nhưng Giáo hội Công giáo vẫn “tôn trọng những người đồng tính luyện ái một cách đầy đủ trong chính nhân phẩm của họ”. Vấn đề hôn nhân đồng tính đang là vấn đề “nóng” trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Song hiện nay chưa có một tài liệu nào cho thấy có hôn nhân đồng tính trong cộng đồng người Công giáo. Chính vì vậy, cho đến nay gia đình của người Công giáo vẫn giữ được nếp của gia đình truyền thống.

Thứ năm, người Công giáo Việt Nam vùng Đồng bằng Bắc Bộ cụ thể hóa giá trị hôn nhân trong hương ước làng. Công cuộc truyền giáo, phát triển Công giáo ở Việt Nam tạo ra làng Công giáo. Vùng đồng bằng Bắc Bộ là nơi làng Công giáo biểu hiện rõ nhất. Làng Công giáo mang những đặc trưng tiêu biểu của làng Việt, song ở đó chứa đựng những nét đặc thù của Công giáo. Khi đã ổn định vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhiều làng Công giáo ban hành hương ước (cũng có khi là khoán ước) để duy trì những phép tắc của làng về chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo. Phần lớn các hương ước của làng Công giáo đều dành một số điều quy định về việc hôn nhân. Những quy định này đều dựa trên quy định của Kinh Thánh và một số văn bản của Giáo hội, rồi Việt hóa để tiến độ thực hiện, và từ đó trở thành một trong những nội dung nếp sống của người Công giáo Việt Nam.

Nguyên tắc kết hôn một vợ một chồng mà các hương ước gọi là “phép nhất phu, nhất phụ” đưa đến cho người Công giáo Việt Nam một lối sống thủy chung vợ chồng, gìn giữ và vun đắp gia đạo. Những

việc làm đi ngược với lối sống thủy chung, chà đạp nhân luân đều phải chịu những hình phạt nặng nề. Đến hiện tại từ truyền thống, ngày nay người Công giáo Việt Nam vẫn đang cố gắng duy trì lối sống thủy chung vợ chồng trong điều kiện xã hội có nhiều biến đổi. Những ghi nhận từ các cơ quan chức năng cho thấy về cơ bản người Công giáo Việt Nam vẫn duy trì hôn nhân bền vững, tỷ lệ ly dị ít hơn nhiều so với người ngoài Công giáo.

Thủy chung vợ chồng tạo nền tảng vững chắc cho gia đình. Con cái không chịu cảnh phân ly; nhận được cả tình thương và trách nhiệm của bố, mẹ; có điều kiện học hành vươn tới. Đó là một trong những nhân tố quan trọng để xã hội phát triển.

Thứ sáu, người Công giáo Việt Nam luôn sống theo mẫu gương gia đình Chúa Giêsu Kitô (được gọi là Thánh gia), đề cao giá trị hiếu, đễ. Trong gia đình, cá vị mỗi người được tôn trọng. Ở đó, con cái được nuôi nấng dạy dỗ nên người. Bố, mẹ là những tấm gương tiêu biểu, hy sinh hết mình vì con cái. Người Công giáo quan niệm sinh con trai, con gái không thật nặng nề. Họ luôn quan tâm đến việc dạy con cái biết chu toàn luật Thiên Chúa, biết giữ gìn và tránh xa tội lỗi, sa đọa.

Con cái biết tôn kính cha mẹ (lòng hiếu thảo). Đó là việc thực hiện Điều răn thứ tư trong mười điều răn: “Thảo kính cha mẹ”. Lòng thảo kính dựa trên sự biết ơn đối với những người sinh thành, nuôi dưỡng mình nên người. Lòng hiếu thảo của con cái được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn, vâng lời chân thành, tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy. Người Công giáo biết sống có trách nhiệm đối với cha mẹ, trợ giúp cha mẹ về vật chất và tinh thần, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, khi bệnh tật, cô đơn túng thiếu. Lòng hiếu thảo còn

thể hiện anh chị em trong gia đình ăn ở chan hòa, khiêm tốn, hiền từ, mẫu mực, nhẫn nại, lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau.

Song, ngoài những giá trị thần học, giá trị thiêng, với người Công giáo, gia đình còn có những giá trị “đời”, mà trước hết là giá trị đạo đức về lòng biết ơn đáng sinh thành, dưỡng dục họ nên người. Bởi “Gia đình đóng một vai trò hoàn toàn độc đáo và không thể thay thế được trong việc dạy dỗ con cái”. Tình yêu của cha mẹ làm phát sinh ra từ chúng những điều tốt đẹp nhất. Tình yêu của cha mẹ còn khơi gợi và hướng dẫn mọi hoạt động giáo dục, làm cho các hoạt động ấy thêm phong phú nhờ những giá trị như nhân hậu, kiên trì, tốt bụng, phục vụ, vô vị lợi và hy sinh bản thân, là những hoa trái quý giá nhất của tình yêu [6, tr.82].

Với cha mẹ, một trong mười điều răn của Thiên Chúa đối với người Công giáo là “Thảo kính” (Điều răn thứ bốn).

Đại bộ phận người Công giáo Việt Nam là người nông dân hiền lành chất phác. Với họ, sự tiếp nhận những giá trị thiêng được trình bày trong Kinh Thánh hay trong những bài giảng của vị chủ chăn trên thực tế có lẽ còn khó khăn, vì trước Công đồng Vatican II, vị chủ tế giảng lễ bằng tiếng Latinh. Người Công giáo chỉ quen sống đời sống đạo: một lối sống với Thiên Chúa và thánh thông công nghiêng về lòng đạo đức bình dân [8, tr.9]. Còn với gia đình, họ sống đạo theo lòng đạo đức truyền thống. Lòng đạo đức này có sự đan xen, dung hợp giữa lối sống đạo với văn hóa đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Việc đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của người Công giáo đối với đáng sinh thành thể hiện ở nhiều chiều cạnh. Chẳng hạn, họ cố gắng trở thành người con ngoan, vâng lời dạy bảo của cha mẹ; luôn thực hành tốt giới răn

của Công giáo, làm tròn bổn phận của một tín đồ, đáp ứng được lòng mong mỏi của cha mẹ. Với gia đình người Công giáo, một trong những điều cha mẹ thỏa lòng là con cái họ tiếp tục giữ đạo. Cha mẹ sẽ đau lòng khi con cái khô đạo, nhạt đạo, nhất là cải đạo hoặc bỏ đạo. Trên thực tế, có những gia đình Công giáo không chịu nổi “búa rìu” dư luận của cộng đồng khi con cái của họ bỏ đạo, phải rời làng đến nơi khác sinh sống.

Đạo lý của con cái đối với đáng sinh thành, dưỡng dục còn đặt trọng tâm vào việc “thảo kính cha mẹ”. Đó là việc quan tâm đến bố mẹ. Chăm sóc họ khi họ còn sống, khi họ ốm đau bệnh tật, lúc về già. Khi bố mẹ qua đời con cái lo chu toàn cả về phần đạo cũng như phần đời. Dù đêm khuya, mưa đông, bão tố hoặc rét cắt da thịt nhưng vào thời khắc bố mẹ lâm chung, họ phải tìm mọi cách đón được linh mục xứ đến để cha mẹ họ được nói lời trần trối, được linh mục xứ nâng đỡ, đặc biệt là được linh mục xứ ban “của ăn đàng”. Có như vậy họ mới thanh thản ra đi vào cõi vĩnh hằng (mà người Công giáo gọi là “về Nhà Cha”). Con cháu quây quần bên cha mẹ đọc kinh, an ủi để họ được bình an, bình thản ra đi như đi vào giấc ngủ. Con cái lo đưa xác cha mẹ đến nhà thờ xứ làm phép xác rồi sau đó đưa đi an táng ở nghĩa địa (mà người Công giáo gọi là vườn thánh). Nếu xứ đạo không có vườn thánh, người qua đời được an táng chung với người qua đời thuộc các tôn giáo khác thì sau khi đào huyệt xong, con cháu phải mời linh mục đến làm phép huyệt.

Hình thức tưởng niệm người quá cố của người Công giáo Việt Nam về cơ bản giống hình thức tưởng niệm người quá cố của người Việt truyền thống. Ba ngày đầu thăm mộ, 49 hoặc 100 ngày, giỗ đầu (tiểu tường), giỗ hết (đại tường). Những ngày giỗ con

cháu đều trình linh mục quản xứ để được xin lễ bàn thờ. Để rồi sau thánh lễ, linh mục rao tên thánh người quá cố để cộng đồng cùng hiệp nguyện cho linh hồn người quá cố. Ngoài nghi thức ở nhà thờ còn có nghi thức tại gia, theo đó con cháu người quá cố nhằm ngày họ qua đời cùng nhóm họp để cầu nguyện. Bà con hàng xóm lân cận thường cùng đến hiệp nguyện. Sau Công đồng Vatican II, người Công giáo Việt Nam được phép thờ cúng tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên có thể là cố định hay bàn thờ tạm. Một nguyên tắc bất di bất dịch là bàn thờ tổ tiên phải đặt dưới bàn thờ Chúa. Trên bàn thờ thường có bát hương (hoặc lư hương, đỉnh đồng), lọ hoa, đèn (hoặc nến), chén đựng nước. Vào ngày giỗ người thân thắp hương, vái lạy. Trên bàn thờ là hoa quả, cũng có khi bày một số món ăn mặn mà sinh thời người quá cố thích.

Hàng năm, người Công giáo dành riêng ngày 2 tháng 11, để tưởng nhớ cha mẹ, ông bà, tổ tiên qua đời. Ngày này, một thánh lễ được diễn ra trong nhà thờ. Sau đó, linh mục cùng cộng đoàn ra vườn thánh đọc kinh cầu nguyện, thắp nến, sửa sang phần mộ người qua đời. Cho đến nay, hầu hết người Công giáo đều chọn hình thức an táng một lần cho người thân (được coi là chôn kim tinh). Thông thường, trước tết Nguyên đán, người Công giáo thường đi thăm mộ người thân lần cuối trong năm. Ở giáo xứ Đốc Sơ, Giáo phận Huế, người Công giáo có việc làm hết sức nhân văn, đó là khi “chạp” mộ người thân, họ còn tỏa ra “chạp” những cô mộ xung quanh.

Trước Công đồng Vatican II, ở một số xứ đạo, có hình thức cúng hậu ở nhà thờ Công giáo. Người không có con hoặc không có con trai lo việc tế tự trước khi qua đời. Họ cúng tài sản (ruộng đất, tiền bạc,

vật dụng...) cho nhà thờ, để khi họ qua đời, vào ngày giỗ, linh mục xứ sẽ rao tên thánh của họ sau thánh lễ cho cộng đồng cầu nguyện. Cũng có khi con cháu họ cúng tài sản cho nhà xứ để ngày giỗ bố mẹ họ, cộng đồng cùng cầu nguyện.

Với người Công giáo, linh mục chính xứ là người cha thiêng liêng của họ. Đầu năm mới, sau thánh lễ ở nhà thờ, người Công giáo có thói quen vào nhà xứ (nơi linh mục ở) để mừng tuổi cha xứ. Khi linh mục ốm đau, họ cử người coi sóc, khi linh mục qua đời cả xứ tổ chức đám tang. Trước đây, do yêu quý linh mục xứ, nhiều xứ đạo an táng họ ngay trong khuôn viên nhà xứ.

Người Công giáo có thói quen nhận đỡ đầu con trẻ mới sinh của người đồng đạo. Người được làm con đỡ đầu có trách nhiệm với cha (mẹ) đỡ đầu như cha mẹ ruột thịt mình. Ở đó không chỉ tạo nên mối liên kết đồng đạo, mà còn thể hiện một hình thức của đạo lý uống nước nhớ nguồn mang đặc trưng của người Công giáo Việt Nam.

Từ sau Công đồng Vatican II, nhất là từ sau khi có Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, hình thức thờ cúng tổ tiên của người Công giáo ngày càng trở nên phong phú đa dạng. Nhiều dòng họ sau thời gian dài hàng trăm năm do gia nhập Công giáo không mấy quan tâm đến gốc tích tổ tiên, nay có xu hướng lần tìm về nguồn cội. Nhiều dòng họ lập gia phả. Ngày giỗ tổ, người Công giáo cử đại diện đến dâng hương hoa oản quả, vái lạy, cùng “ăn giỗ”. Có dòng họ, Công giáo xây từ đường thờ tổ họ đạo (như dòng họ Phạm Quang ở thôn Phù Tài, nay là thôn Giải Tây, xã An Đỗ, huyện Bình Lục, Hà Nam).

Những thập niên cuối của thế kỷ XX, khi mà trào lưu tục hóa phát triển mạnh, đời sống gia đình có nguy cơ bị phá vỡ ngày

một tăng, thì Giáo hội Công giáo càng chú trọng đến gia đình. Nhân dịp Năm Gia đình 1994, Giáo hoàng John Paul II đã công bố Năm Thánh hóa gia đình đối với Giáo hội Công giáo. Năm Thánh hóa gia đình được khai mạc từ lễ Thánh gia năm 1993 (26 tháng 12) và kết thúc vào lễ Thánh gia 1994 (30 tháng 12). Vì thế, gia đình là đề tài cho nhiều văn kiện quan trọng và nhiều gặp gỡ của Giáo hoàng. Sứ điệp nhân ngày thế giới hòa bình (01/01/1994) có tên gọi “Từ gia đình nảy sinh hòa bình của gia đình nhân loại”. Sứ điệp Mùa Chay năm 1994 có chủ đề: “Gia đình phục vụ tình bác ái - Tình bác ái phục vụ gia đình”. Trong bức thư dày 110 trang của Giáo hoàng ký ngày 02/02/1994 gửi các gia đình trên toàn thế giới cũng lấy đề tài “Gia đình là trung tâm văn minh và tình thương”. Bức thư này là văn kiện quan trọng thứ hai về gia đình của Giáo hoàng John Paul II sau Tông huấn gia đình ban hành năm 1981 [1].

Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam làm tại Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 1998, ở đoạn 7 *Vai trò gia đình*, viết: “Gia đình là Hội thánh tại gia giữa lòng cộng đồng Kitô. Gia đình là trường học đầu tiên. Cha mẹ là những người giáo dục đầu tiên. Sách giáo khoa đầu tiên là những quan hệ trong gia đình, giữa cha mẹ với nhau, giữa cha mẹ và con cái, giữa gia đình này với gia đình khác”, “Gia đình là Hội thánh tại gia, là đơn vị căn bản của Hội thánh. Gia đình là cộng đoàn thờ phượng và sống đạo, là nơi thể hiện và phát triển lòng tin, cậy, mến. Những bài học đầu tiên về cầu nguyện, về mến Chúa yêu người, đều được học và dạy ở dưới mái nhà gia đình”, “Việc cầu nguyện trong gia đình và việc kiếm điểm đời sống hằng ngày giúp cho gia đình yêu thương và sống hiệp nhất. Chính bầu khí yêu thương đầm ấm trong gia đình: vợ

chồng chung thủy, con cái hiếu thảo, anh chị em hòa thuận, là trường dạy yêu mến. Người ta học biết yêu thương nhờ được yêu thương”, “Chúng tôi khuyến khích việc liên đới giữa các gia đình, nhất là các gia đình trẻ, để giúp nhau vượt qua khó khăn và phát triển đời sống gia đình”.

Thư Mục vụ (ngày 17 tháng 10 năm 1998) như là một sự tóm gọn giá trị Công giáo đối với gia đình Công giáo Việt Nam, định hướng sống đạo trong đời sống gia đình của người Công giáo Việt Nam. Đối với người Công giáo Việt Nam, Thư chung hay Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam đều là những văn bản buộc họ phải thực hiện.

Năm 2013, Hội đồng Giám mục Việt Nam họp Đại hội lần thứ XII từ 7-11/10/2013 tại Trung tâm Mục vụ Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Đại hội ra Thư chung: *Hội thánh Công giáo tại Việt Nam và công cuộc tân phúc âm hóa*. Một kế hoạch mục vụ kéo dài 3 năm (2014-2016) được xây dựng với chủ đề cho từng năm. Chủ đề của năm 2014 là phúc âm hóa đời sống gia đình; năm 2015 là phúc âm hóa đời sống giáo xứ và cộng đoàn; năm 2016 là phúc âm hóa đời sống xã hội. Phần cuối, Thư chung viết: “Trước cuộc khủng hoảng gia đình hiện nay, Hội Thánh nhận thấy cần phải tăng cường và canh tân mục vụ gia đình, phải xem mục vụ gia đình là hoạt động quan trọng, nối kết những kế hoạch và chương trình mục vụ của giáo xứ cũng như giáo phận”. Để thực hiện phúc âm hóa đời sống gia đình, Thư chung nêu: “Xây dựng gia đình mình thành một cộng đoàn cầu nguyện, sống tình yêu hợp nhất thủy chung, phục vụ sự sống và hăng say loan báo Tin Mừng”. Người Công giáo Việt Nam trên cơ sở giáo huấn của cộng đồng của Giáo hoàng, của Hội đồng Giám mục đã và đang vận dụng những giá trị về đời

sống gia đình để thực hiện tốt mục tiêu mà năm phúc âm hóa đời sống gia đình đặt ra.

4. Ảnh hưởng của giá trị Công giáo đối với quan niệm sống của người Công giáo Việt Nam trong quan hệ cộng đồng

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo. Các tôn giáo tồn tại và phát triển ở Việt Nam đan xen và hòa đồng với nhau. Do đặc điểm về văn hóa, tâm linh, địa lý ở Việt Nam, đã hình thành nên những vùng tôn giáo tập trung. Chẳng hạn, miền Tây Nam Bộ có các tôn giáo như Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương... Ở Trung Trung Bộ là Islam giáo, Bà la môn giáo, Bà ni giáo trong người Chăm. Ở vùng đồng bằng Bắc Bộ là Công giáo. Song dù là vùng tôn giáo tập trung, nhưng ở đó vẫn tồn tại, đan xen những tôn giáo khác nhau.

Truyền đạo, phát triển Công giáo ở Việt Nam tạo nên những làng Công giáo toàn tông, những vùng Công giáo tập trung tiêu biểu ở các giáo phận: Phát Diệm, Bùi Chu, Thái Bình, Nghệ An, Thanh Hóa... Ở vùng Công giáo tập trung có tới hàng chục, làng xã Công giáo toàn tông hay quá nửa cư dân Công giáo. Sống trong các làng Công giáo, người Công giáo có một lối sống cộng đồng riêng. Song, người Công giáo Việt Nam vẫn là con dân của dân tộc Việt Nam, sống với các cộng đồng tôn giáo khác hoặc với những người không tôn giáo. Vì vậy, người Công giáo sống với cộng đồng những người đồng đạo và với những người khác đạo.

Cộng đồng của người Công giáo Việt Nam là giáo xứ (hay xứ đạo). Giáo luật Công giáo xem xứ đạo là đơn vị hạt nhân trong hệ thống tổ chức hành chính giáo. Giáo xứ bao gồm một cộng đồng tín hữu, cư trú trong một địa vực nhất định, có một nhà thờ, dưới sự cai quản của linh mục

chính xứ (cha sở)³. Quan niệm Công giáo cho rằng: “Giáo xứ chủ yếu không phải là một cơ cấu, một địa giới hay một tòa nhà, nhưng đúng hơn đó là “gia đình của Chúa”. Ở đó có mối quan hệ giữa giáo dân với giáo dân, đặc biệt là mối quan hệ giáo dân với giáo sĩ, tu sĩ. Giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ là thành phần Dân Chúa, cũng là thành phần của giáo xứ - Gia đình của Chúa.

Người Công giáo gắn chặt cuộc đời của mình với nhà thờ, cũng có nghĩa là gắn chặt với cha sở. Khi họ lọt lòng mẹ, cất tiếng khóc chào đời độ vài tuần, họ được cha sở rửa tội để chính thức trở thành tín đồ. Khi lên 5-6 tuổi, họ được cha mẹ đưa đến nhà thờ để “xưng tội, chịu lễ lần đầu”. Từ đây họ gắn bó với nhà thờ, với cha sở ngày một thân thiết hơn qua các thánh lễ thường và thánh lễ Chủ nhật cũng như thánh lễ trọng. Khoảng 9-11 tuổi, họ được nhận lãnh Bí tích Thêm sức để cho được mạnh đạo. Khi đến tuổi trưởng thành, họ được học lớp giáo lý hôn nhân. Khi họ lập gia đình, cha sở thay mặt Thiên Chúa ban bí tích hôn phối. Khi họ về già, đặc biệt là khi họ chuẩn bị qua đời, cha sở làm phép xức dầu cho họ. Khi họ qua đời, cha sở làm phép xác, phép mồ (ở những nơi người Công giáo không có nghĩa địa riêng), rồi làm lễ ngày giỗ. Hàng năm, theo giáo luật họ phải xưng tội ít nhất một lần để được cha sở giải tội. Ở mỗi thánh lễ, họ được đón nhận Mình Thánh Chúa (Rước lễ) từ chính tay cha sở. Người Công giáo gọi linh mục là cha, xưng con theo một quan niệm kính trọng, thân mật và thân thiết. Bởi giáo xứ chính là gia đình của Chúa, được sự hướng dẫn của người cha (sở) thay mặt Thiên Chúa. Tài liệu điều tra xã hội học tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX cho thấy, hầu hết người Công giáo khi có việc quan trọng đều đến hỏi cha sở. Khi hàng xóm, vợ chồng, cha con có

chuyện bất đồng, thì cha sở đến hòa giải và hầu hết người Công giáo đều nghe theo.

Đối với một số giám mục, linh mục có công lao đặc biệt với giáo xứ, giáo phận, khi họ qua đời, xứ đạo dựng bia ghi công đức (như bia “Sử cha già Diêm” ở giáo xứ Đại Ôn, Chương Mỹ, Hà Nội). Tên của giám mục, linh mục được đặt cho những cơ sở công ích của cộng đồng (như trường Trần Lục, trường dạy văn hóa cho con em giáo dân ở khu tòa địa phận Phát Diệm trước năm 1945, bởi linh mục Trần Lục có công trong việc xây dựng khu quần thể Thánh đường Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình và có công trong việc phát triển Công giáo nơi đây. Tên một số thánh tử đạo được tín đồ lấy làm tên thánh thay vì lấy tên các thánh tông đồ hay thánh thông công, với tâm nguyện sống theo mẫu gương của thánh. Ở huyện Kim Sơn, khi thành lập giáo họ, người Công giáo lấy tên một số giám mục đặt tên cho giáo họ của mình. Ví dụ, đó là các họ Kim Tùng, Tân Tùng, Tông Phát, Tông Đức. Tên đó dựa theo tên Giám mục Nguyễn Bá Tông, giám mục người Việt đầu tiên cai quản Giáo phận Phát Diệm (Kim = Kim Sơn, Tùng = Tông). Họ Lạc Thành, Kim Thành lấy tên Giám mục Alexandre J. P. Marcou (tên Việt là Thành)... Việc làm này như là một sự nhắc nhở tín đồ tưởng nhớ đến công ơn của các vị chủ chăn giáo phận.

Trong thành phần Dân Chúa hiện diện nơi giáo xứ (Gia đình của Chúa) có tu sĩ. Họ có thể là những người phục vụ tại giáo xứ, cũng có khi là người con của giáo xứ (sinh ra, lớn lên ở giáo xứ) nhưng đang phục vụ tại các giáo xứ khác.

Nếu như linh mục được giáo dân gọi là cha, thì tu sĩ nam được giáo dân gọi là thầy (thầy sáu hay thầy năm). Đó là các tu sĩ đã tu học tới bậc năm hoặc sáu theo 7 chức để trở thành linh mục, nhưng vì các lý do khác nhau họ không thể có đủ 7 chức để trở

thành Thầy cả (thầy trên hết, linh mục). Với các tu sĩ là nữ, người giáo dân gọi họ là dì. Đó là tiếng gọi thân thương, bởi dì là tên gọi của người phụ nữ là em mẹ đẻ.

Tu sĩ nam, nữ vì sống đời sống độc thân, gần cả đời để phục vụ cộng đồng giáo xứ nên giáo dân một mặt kính trọng họ, gọi họ với danh xưng trù mến thân thương, mặt khác khi họ về già, ốm đau, bệnh tật, giáo dân cử người chăm nom, săn sóc, khi họ qua đời, cộng đồng lo an táng, xem đó là nỗi buồn và trách nhiệm chung của cộng đồng. Vườn thánh là khu đất trang trọng được giáo dân dành để an táng linh mục, tu sĩ. Đây cũng là biểu hiện sự trân trọng của giáo dân đối với cha sở và tu sĩ.

Công giáo ở Việt Nam dưới thời Lê, đặc biệt là thời Nguyễn với các vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, phải chịu chính sách cấm đạo, đôi khi có những biện pháp hết sức gắt gao. Trong tình thế như vậy, nhiều người Công giáo kiên quyết kháng cự để bảo vệ đạo Chúa. Họ có thể là giám mục, linh mục, phó tế, giáo hữu; có thể là người Việt hay người nước ngoài. Trong số những người đó, Giáo hội dựa trên công trạng cũng như “phép lạ” của họ mà phong thánh tử đạo. Những vị thánh tử đạo đều được cộng đồng Công giáo tôn kính. Họ được đắp tượng hay vẽ tranh và đặt ở nơi trang trọng trong nhà thờ. Cũng có khi cộng đồng xứ đạo xây “đền” riêng để tôn kính. Xương thánh tử đạo được bảo quản trong một hòm riêng và được cất giữ cẩn trọng. Vào ngày tưởng niệm thánh tử đạo, một thánh lễ trang trọng được diễn ra nơi thánh đường. Xương thánh tử đạo được đưa ra đặt trên bàn thờ Chúa. Linh mục, người chủ tế buổi lễ hôn xương thánh, cộng đồng giáo dân cùng ngậm nguyện. Ngày lễ thánh tử đạo tuy không được ghi trong lịch lễ nhưng với giáo xứ đó là một ngày lễ trọng. Tín đồ còn đặt lời văn kể về hạnh tích thánh một số thánh tử đạo, chẳng hạn như văn “Thánh

Phêrô Tùý tử đạo”. Tín đồ vừa hành tiến vừa ngân nga lời vãn. Do là ngày lễ trọng của giáo xứ, nên cuối thánh lễ, ở nhiều giáo xứ các gia đình tổ chức bữa ăn thịnh soạn. Ngày này con cháu của họ đi làm ăn, đi lấy chồng xa thường đổ về tham dự. Giáo dân của một số xứ đạo lân cận đến tham dự (gọi là thông công). Ngày này, linh mục ở một số xứ đạo được mời đến tham dự thánh lễ (được gọi là “các cha về đồng tế”). Trước thời điểm của công cuộc Đổi mới, tuy đời sống kinh tế còn khó khăn, nhưng gia đình nào cũng đều tổ chức bữa ăn thật thịnh soạn. Ngày này, nhà có nhiều khách được xem là nhà gặp may mắn và hãnh diện với hàng xóm. Vào dịp này, những thành viên trong gia đình hàn huyên, cởi mở đón khách, chan hòa với những người đồng đạo.

Trong gia đình Chúa - xứ đạo, Thánh đường giáo xứ được giáo dân gọi là ngôi nhà chung. Mọi người chăm chú cho thánh đường của họ. Nhưng quan trọng hơn, ngôi nhà chung này là nơi người giáo dân gắn bó cả cuộc đời. Ở nơi đây, lúc sống họ được rửa tội, được xưng tội, rước lễ lần đầu, tham dự thánh lễ. Khi qua đời họ được đưa đến nhà thờ trước khi an táng. Thánh đường không chỉ là nơi họ cùng hiệp nguyện, tôn thờ Thiên Chúa, tôn kính các thánh thông công, mà còn là nơi họ gặp gỡ, chia sẻ những nỗi vui buồn việc đời. Ở một số giáo xứ, giáo dân đem gạo hoặc thóc đến nhà thờ, để cứu giúp những người có hoàn cảnh khó khăn. Đó là thể hiện tâm nguyện cứu giúp người khó khăn với tinh thần “lá lành đùm lá rách” hoặc “lá rách ít đùm lá rách nhiều”. Một số xứ đạo có cơ sở dùng để nuôi dạy trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, thiếu năng trí tuệ, làm mái ấm cho người già không nơi nương tựa, đơn côi. Người giáo dân coi họ như những người thân yêu ruột thịt với quan niệm họ là những người đồng đạo, cùng là người con của Chúa.

Một thánh lễ được xem là thánh lễ trọng chỉ có ở giáo xứ, đó là lễ Thánh quan thầy xứ đạo. Với người Công giáo, thánh quan thầy là vị thánh bảo trợ cho cộng đồng của giáo xứ. Thánh quan thầy có thể là Chúa Giêsu hoặc Thánh nữ Maria, cũng có khi là một vị thánh Tông đồ, vị thánh tử đạo. Ngày kỷ niệm thánh quan thầy không chỉ đơn thuần là một thánh lễ trong nhà thờ, mà còn là ngày hội của xứ đạo. Theo tài liệu điền dã mà chúng tôi thu thập được ở vùng Đồng bằng Bắc bộ, thánh quan thầy của xứ đạo được giáo dân gọi là *Thành hoàng làng*. Người giáo dân cố tìm, cố mô phỏng và chịu ảnh hưởng giá trị truyền thống tâm linh của người Việt để rồi “Việt hóa” tôn giáo của mình trên nền tảng cơ tầng văn hóa Việt. Ngày này là ngày vui của cộng đồng. Người ta ăn mặc đẹp, dọn dẹp xóm ngõ, trang trí nhà thờ, tổ chức đi kiệu. Làng đạo tổ chức “ăn tươi”, buổi tối nhiều nơi có tổ chức văn nghệ, diễn tuồng thương khó, hay hoạt cảnh lấy tích về thánh quan thầy của giáo xứ. Ngày nay, còn có những bài hát ca ngợi quê hương, xứ đạo, ca ngợi tình yêu đôi lứa. Đó có thể là các làn điệu dân ca hoặc có khi là những bài “ca mới”.

Làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ trước năm 1945 có hương ước hay khoán ước với nội dung về quy tắc ứng xử việc đạo, việc đời trong xứ đạo. Hương ước làng Công giáo đều có những nội dung về tế tự, về lối sống cá nhân, gia đình, cộng đồng. Những nội dung này trước hết dựa trên giáo lý, giáo luật Công giáo (như quy định hôn nhân một vợ một chồng, quy định về phép tắc khi đến nhà thờ tham dự thánh lễ...). Song cũng có nội dung dựa trên những giá trị văn hóa Việt truyền thống về tang lễ, về trách nhiệm con cái đối với bố mẹ, anh chị em đối với nhau. Những người vi phạm hương ước đều phải chịu các hình phạt về vật chất (phạt tiền hoặc đồ vật-trầu cau, gà, xôi, rượu...), về tinh thần (truất ngôi thứ,

thậm chí là bị khai trừ ra khỏi cộng đồng). Hương ước một số làng còn quy định ngoài hình phạt vật chất, tinh thần, người vi phạm còn bị đánh đòn.

Hiện tại nhiều làng Công giáo trong Nam ngoài Bắc, giáo xứ của người Kinh cũng như giáo xứ của người dân tộc thiểu số có bản quy ước với những nội dung xoay quanh về lối sống cá nhân, gia đình, cộng đồng, về vai trò trách nhiệm của người giáo dân đối với đạo và đời, hướng tới một cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, làm tròn bổn phận của một tín đồ, đồng thời cũng làm tròn bổn phận của một công dân.

Không chỉ sống với cộng đồng giáo xứ, người Công giáo Việt Nam còn sống với các cộng đồng nhỏ hơn. Đó là giáo họ (họ đạo), dưới họ đạo là cộng đồng với tên gọi khác nhau như dâu, giáp, tích, khu vực đạo. Cộng đồng cuối cùng là liên gia (gồm một số gia đình ở gần nhau). Với những cộng đồng chia nhỏ, người Công giáo càng có điều kiện gần gũi nhau hơn để chia sẻ và trong một chừng mực giúp đỡ nhau về mặt vật chất.

Người Công giáo Việt Nam quan niệm “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Cộng đồng cư dân trong họ đạo nương tựa vào nhau, không chỉ để sống đạo, giữ đạo mà còn để sống đời. Họ giúp đỡ nhau khi xây dựng nhà cửa, khi ốm đau, khi có việc hiếu hỉ. Cộng đồng cũng thường trợ giúp nhau về vật chất cũng như tinh thần. Mỗi đứa trẻ ở họ giáo sinh ra, ngoài cha mẹ đẻ, còn có cha mẹ đỡ đầu. Khi một người nào đó qua đời, giáo dân trong họ giáo thường là những người có mặt đầu tiên để cầu nguyện cho họ được “về Nhà Cha” thanh thản. Khi xứ đạo có người qua đời, nghe tiếng chuông sầu (chuông tử) của nhà thờ, giáo dân dù đang làm gì cũng dừng lại đọc kinh, tỏ lòng thương tiếc một Chiên Chúa qua đời.

Dịp giỗ chạp, tưởng niệm người qua đời của mỗi gia đình đều có những gia đình sống xung quanh đến hiệp nguyện. Thánh lễ dành cho người qua đời được tổ chức trang trọng có thể ở nhà tang chủ, có thể được tổ chức ở nhà thờ giáo xứ hay giáo họ (nếu đó là họ đạo lẻ, ở xa nhà thờ giáo xứ) với sự hiện diện của hầu hết tín đồ xứ, họ đạo.

Ngoài việc sống cộng đồng với giáo họ (họ đạo), tín đồ còn sống với cộng đồng dâu đạo, hoặc giáp đạo, tích đạo, lân đạo, khu vực đạo. Các cộng đồng này có thánh quan thầy với một cộng đồng gồm khoảng hơn chục gia đình sống gần nhau. Cuối cùng là cộng đồng liên gia với từ 3-5 gia đình ở gần nhau. Với liên gia, họ có thể tụ tập đọc kinh theo hình thức luân chuyển từ gia đình này sang gia đình khác. Liên gia có trách nhiệm trông nom nhà cửa hộ nhau, cùng mời gọi nhau đi tham dự thánh lễ.

Do tính cộng đồng bền chặt được chia nhỏ tới cộng đồng vài ba gia đình, được gắn kết bởi niềm tin tôn giáo, được thờ kính một “tộc sư” hay cùng chung một “Thành hoàng”, nên người Công giáo sống trong các cộng đồng thường ít xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Khi vụ việc xảy ra thường thì được giải quyết ôn hòa qua hòa giải.

Trong mỗi xứ, họ đạo, người Công giáo còn được sống với các cộng đồng hội đoàn. Bình quân mỗi xứ, họ đạo có từ 10 đến 20 hội đoàn. Ở đó giáo dân được tập hợp theo lứa tuổi, theo giới, theo nghề nghiệp để một mặt phục vụ nghi lễ, lo giữ đạo, sống đạo, củng cố đức tin, mặt khác còn để hòa giải, giúp đỡ nhau việc đời.

Nhà nguyện giáo họ hay nhà thờ giáo xứ không chỉ là nơi để giáo dân thực hành Thánh lễ, còn là nơi gặp gỡ, giao lưu của những người đồng đạo. Nhiều người Công giáo có thói quen tụ tập đọc kinh sớm, tối ở nhà thờ giáo xứ hay nhà nguyện họ đạo. Ngày chủ nhật, giáo dân “nghỉ phần xác”

đến nhà thờ tham dự thánh lễ. Sinh hoạt tôn giáo gắn kết họ với nhau trong ngày lễ (thánh lễ chủ nhật, lễ kỷ niệm Thánh quan thầy xứ, họ đạo, trong dịp châu lượt...). Đây là dịp họ chia sẻ, trợ giúp nhau trong tinh thần đồng đạo.

Trong quan hệ cộng đồng, người Công giáo Việt Nam được Mười điều răn định hướng. Mười điều răn quy lại thành hai điểm, đó là Kính Chúa, Yêu người. Yêu người gồm cả yêu đồng đạo và yêu người khác đạo. Với người Công giáo, ngoài việc thuộc và thực hành Kinh cái bảy mối (có bảy đức để tu thân), còn thuộc và thực hành kinh Mười bốn mối.

Vậy là trong quan hệ với tha nhân, với cộng đồng người đồng đạo hay người khác đạo, người Công giáo không chỉ mở lòng giúp họ về phần xác, mà còn giúp họ về phần linh hồn. Bởi với người Công giáo, con người có cả phần xác lẫn phần hồn. Nếu chỉ giúp một trong hai phần là không thật đầy đủ.

Người Công giáo có quan hệ với cộng đồng những người khác đạo về sản xuất, giao thương về tinh thần cũng như vật chất. Ở những làng mà người Công giáo chỉ là một bộ phận dân cư, họ phải cùng cộng đồng bảo vệ xóm làng, đắp đê, làm thủy lợi, làm đổi công cho nhau khi nông tang thời vụ.

Ở không ít làng quê, ngay từ trước Công đồng Vatican II (1962-1965), người Công giáo chung tay góp sức cùng với người ngoài Công giáo xây dựng cơ sở thờ tự. Ngược lại, người không Công giáo cũng góp sức người, sức của cùng người Công giáo xây dựng thánh đường. Sau Công đồng Vatican II, đặc biệt từ khi có công cuộc Đổi mới, quan hệ lương - giáo trở nên gắn bó thân thiết hơn bao giờ hết. Người Công giáo làm từ thiện không chỉ cho cộng đồng tôn giáo mà còn cho cả những người nghèo khó ngoài cộng đồng.

Có thể sống biệt lập trong một làng đạo hoặc sống đan xen nhưng người Công giáo

luôn giữ mối giao hảo với người khác tôn giáo. Ngoài việc lao động, sản xuất, giao thương, họ còn chia ngọt, sẻ bùi với nhau. Người Công giáo ở nhiều làng quê thấm nhuần đạo lý uống nước nhớ nguồn, tỏ lòng biết ơn những người có công với cộng đồng cho dù họ không thuộc về tôn giáo của mình. Ví dụ, giáo dân phường Giang Hén, thành phố Huế, vào ngày tưởng niệm tổ nghề, cùng đến tham dự. Người Công giáo sinh sống ở vùng ven biển miền Trung tham dự lễ cầu ngư, cúng Cá Ông trước ngày ra biển của một vụ mùa đánh cá mới. Ở vùng đất mới của huyện Kim Sơn, Ninh Bình, các vị nguyên mộ, chiêu mộ, thứ mộ (những người mộ dân và cùng họ khai khẩn miền đất mới) có công lao khai khẩn vào thế kỷ XIX được dân làng lập miếu hoặc đền thờ cúng. Hằng năm vào dịp tưởng niệm họ, có sự hiện diện của người Công giáo (chẳng hạn ở xã Lưu Phương là một ví dụ).

Hương ước ở nhiều làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ có mục ghi, hàng năm theo ngày giỗ, cư dân của làng tham dự lễ “Truy tư tiên nhân” tưởng nhớ tiên nhân những người có công mở đất, lập làng, dù tiên nhân trước đó không phải là tín đồ Công giáo.

Trên tinh thần canh tân, nhập thế của Công đồng Vatican II và định hướng của Giáo hội Công giáo thể hiện từ Thư chung 1980 và một số Thư chung, Thư Mục vụ khác của Hội đồng Giám mục Việt Nam, người Công giáo ngày càng tích cực tham gia vào những nghi lễ, những hình thức tưởng niệm những người có công với cộng đồng khác đạo. Ở các làng quê - xứ đạo ở huyện Kim Sơn (Ninh Bình), người Công giáo tham dự nghi lễ tưởng niệm Doanh điền Nguyễn Công Trứ, người có công mở đất Kim Sơn. Người Công giáo ngày nay tham dự hội làng, tham dự lễ tổ nghề, tưởng nhớ những anh hùng tiên liệt có công với làng nước. Ngày giỗ Hùng Vương, trong

dòng người trở về Đất Tổ chiêm bái các Vua Hùng có người Công giáo, bởi họ đều là con em đất Việt, đều là đồng bào.

5. Kết luận

Giá trị Công giáo có ảnh hưởng quan trọng tới cá nhân, gia đình, cộng đồng người Công giáo Việt Nam. Cũng như các tôn giáo khác, Công giáo trước hết quan tâm đến con người, tín đồ, đưa ra những chuẩn mực phải có đối với tín đồ. Trong đó có những chuẩn mực “cứng” (đòi buộc tín đồ phải thực hiện, nếu không thực hiện là lỗi đạo, là ngăn trở cho cuộc sống đời sau) và những chuẩn mực “mềm”, (khuyến răn tín đồ nên thực hiện). Giá trị Công giáo khuyến tín đồ sống thánh thiện, sống có trách nhiệm với bản thân, biết làm điều lành, tránh điều ác, biết sống tiết chế, dục vọng, sống khiêm nhường, phẩm hạnh. Đó cũng là những giá trị thường hằng mà xã hội nào, thời đại nào cũng đòi hỏi ở mỗi con người.

Người Công giáo Việt Nam gắn bó với nhau không chỉ trong đời sống đạo mà còn trong đời sống đời, giúp nhau khi khó khăn hoạn nạn, hàng xóm tối lửa, tắt đèn có nhau, khi vụ việc xích mích xảy ra thường giải quyết bằng hòa giải. Họ sống có trách nhiệm với cộng đồng khác tôn giáo, cùng cộng đồng khác tôn giáo lao động sản xuất xây dựng quê hương sống hòa hợp, đoàn kết. Lối sống đó của người Công giáo Việt Nam có được một phần hết sức quan trọng nhờ ảnh hưởng của giá trị Công giáo, ngoài ra còn là nhờ ảnh hưởng của các giá trị đạo đức truyền thống được tạo lập bởi hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Chú thích

² Thư chung được Hội nghị Giám mục Giáo tỉnh Huế và Giáo tỉnh Sài Gòn ban hành ngày 16 tháng 7 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Loại hình giáo xứ này gọi là giáo xứ tông thổ, ngoài ra còn loại hình giáo xứ tông nhân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo *Người Công giáo Việt Nam* (1994), số 7.
- [2] Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) (2010), *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hồng Dương (2014), *Báo cáo đề tài khoa học cấp Bộ: Công giáo Việt Nam đối với phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Việt Nam*, Học viện Phanxicô.
- [5] Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2010), *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [6] Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [7] Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012), *Công đồng Vatican II*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [8] Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Văn hóa (2003), *Hướng dẫn về lòng đạo đức bình dân và phụng vụ - Nguyên tắc và định hướng*.
- [9] *Kinh Thánh*, Hà Nội, 2011.
- [10] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [11] Tòa Giám mục Xuân Lộc (2010), *Hôn nhân Công giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.